

Phụ lục
GIÁ KHỞI ĐIỂM 85 LÔ ĐẤT THUỘC KHU OLK-04 VÀ OLK-05 KHU ĐÔ THỊ MỚI
PHÍA NAM QUỐC LỘ 19, THỊ TRẤN PHÚ PHONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /06/2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Lô (Thửa)	TĐĐ	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô)	Ghi chú
I	KHU OLK-04		6.575,5		90.540.600.000	
*	Khối 5, thị trấn Phú Phong					
1	254	43	437,5	16.200.000	7.087.500.000	Lô góc
2	255	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
3	256	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
4	257	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
5	258	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
6	259	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
7	260	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
8	261	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
9	262	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
10	263	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
11	264	43	120	13.000.000	1.560.000.000	
12	265	43	120	13.500.000	1.620.000.000	
13	266	43	463	16.200.000	7.500.600.000	Lô góc
*	Thôn Phú Hiệp, xã Tây Phú					
1	736	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
2	737	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
3	738	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
4	739	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
5	740	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
6	741	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
7	742	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
8	743	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
9	744	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
10	745	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
11	746	7	120	13.000.000	1.560.000.000	

12	747	7	120	13.000.000	1.560.000.000	
13	748	7	137,5	15.600.000	2.145.000.000	Lô góc
14	749	7	137,5	16.200.000	2.227.500.000	Lô góc
15	750	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
16	751	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
17	752	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
18	753	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
19	754	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
20	755	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
21	756	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
22	757	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
23	758	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
24	759	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
25	760	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
26	761	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
27	762	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
28	763	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
29	764	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
30	765	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
31	766	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
32	767	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
33	768	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
34	769	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
35	770	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
36	771	7	120	13.500.000	1.620.000.000	
II KHU OLK-05			4.589,6		62.798.640.000	
* Thôn Phú Hòa, xã Tây Xuân						
1	648	4	187,4	15.600.000	2.923.440.000	Lô góc
2	649	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
3	650	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
4	651	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
5	652	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
6	653	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
7	654	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
8	655	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
9	656	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
10	657	4	120	13.000.000	1.560.000.000	

11	658	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
12	659	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
13	660	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
14	661	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
15	662	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
16	663	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
17	664	4	120	13.000.000	1.560.000.000	
18	665	4	187,4	15.600.000	2.923.440.000	Lô góc
19	666	4	187,4	16.200.000	3.035.880.000	Lô góc
20	667	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
21	668	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
22	669	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
23	670	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
24	671	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
25	672	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
26	673	4	120	13.500.000	1.620.000.000	Lô góc
27	674	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
28	675	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
29	676	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
30	677	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
31	678	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
32	679	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
33	680	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
34	681	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
35	682	4	120	13.500.000	1.620.000.000	
36	683	4	187,4	16.200.000	3.035.880.000	Lô góc
Tổng cộng		85 lô	11.165,10		153.339.240.000	